

Bản án số: 78/2023/HS-ST
Ngày 05-5-2023

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần A (tên gọi khác: T), sinh ngày: 22/02/2003 tại tỉnh Hà Tĩnh; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký tạm trú: Ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T, sinh năm: 1976 và bà Phạm T, sinh năm: 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/5/2020 cho đến nay – có mặt;

2. Trần T, sinh ngày: 14/9/2002 tại tỉnh Hà Tĩnh; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký tạm trú: Ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T, sinh năm: 1974 và bà Lê T, sinh năm: 1970; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2020 cho đến nay – có mặt;

3. Lê P, sinh năm: 1993 tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Lê H, sinh năm: 1968 và bà Văn N, sinh năm: 1973; bị cáo có vợ tên Thạch N (đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm: 2016, nhỏ nhất sinh năm: 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/4/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã C từ ngày 21/10/2022 cho đến nay – có mặt;

4. Lâm M, sinh năm: 2000 tại tỉnh Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã L, huyện D, tỉnh Bạc Liêu; đăng ký tạm trú: Ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm T, sinh năm: 1974 và bà Thị U, sinh năm: 1975; bị cáo có vợ tên Trần M và 01 con, sinh năm: 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2020 cho đến nay – có mặt;

5. Lương C, sinh năm: 2000 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương T, sinh năm: 1947 và bà Trịnh E, sinh năm: 1958; bị cáo có vợ tên Lê L; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã C từ ngày 21/10/2022 cho đến nay – có mặt.

Bị hại: Ông Bùi K, sinh năm: 2000; hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh – vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lâm T, sinh năm: 1974; hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã L, huyện D, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt);

2. Ông Trần T, sinh năm: 1976; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh – vắng mặt;

3. Bà Lê T, sinh năm: 1970; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký tạm trú: Ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M và Lương C là bạn bè quen biết với nhau do đều ở trọ gần nhau ở ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; A và T còn là A em họ. Trần A và Bùi K là bạn với nhau do cùng quê ở Hà Tĩnh vào Bình Dương làm công nhân.

Khoảng 20 giờ ngày 08/3/2020, A và K cùng chơi bida tại quán Bida T, địa chỉ: Ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Trong lúc chơi, A và K phát sinh mâu thuẫn, cự cãi, K dùng tay tát vào mặt A nhưng được mọi người can ngăn.

Đến khoảng 08 giờ ngày 10/3/2020, K điện thoại cho A hẹn 21 giờ 30 phút cùng ngày đi đến khu vực vòng xoay khu dân cư Rạch Bắp thuộc ấp A, xã Đ để đánh nhau thì A đồng ý. Sau đó, A điện thoại rủ T, T cùng đi giúp A đánh K thì T và T đồng ý.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, A lấy 01 dao bấm bằng kim loại dài 25cm, lưỡi dao màu đen dài 12cm, cán màu đen dài 13cm bỏ vào túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 38L1-185.29, còn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen, biển số 38L1-133.30 cùng đi đến quán chè 379 thuộc ấp A, xã Đ, thị xã C thì gặp T đang ngồi đợi sẵn. Tại đây, T điện thoại rủ M đi đánh nhau giúp T thì M đồng ý rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Excite, màu đỏ đen, biển số 94F1-180.40 đến quán chè 379 gặp T, A và T. Khi đến, M điện thoại rủ C cùng đi đánh nhau với M, đồng thời kêu C mang theo cây gậy ba khúc cho M mượn thì C đồng ý. Do C không có xe đi nên M điện thoại nhờ bạn là Nguyễn T đi đến nhà C chở C đến quán 379 giúp M. T không biết M nhờ chở C đi đánh nhau nên đồng ý. Khi chở C đến nơi, T đi ra ngoài quán 379 nghe điện thoại thì A nói với T, T, M và C là K hẹn đánh nhau ở vòng xoay khu dân cư B. Lúc này tất cả đồng ý, A đi ra điều khiển xe 38L1-185.29 chở T, M điều khiển xe 94F1-180.40 chở C, còn T điều khiển xe 38L1-133.30 cùng nhau đi. Sau đó, T nghe điện thoại xong đi vào thì thấy A, T, T, M và C đã điều khiển xe đi nên T cũng điều khiển xe chạy theo sau.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, A, T, T, M và C đến khu vực vòng xoay khu dân cư B thì A thấy K đang ngồi uống nước với bạn (khoảng 06 người) trước quán cà phê “Yumi” nên kêu cả nhóm dừng xe lại. T hỏi A: “K là ai” thì A chỉ K cho T nên T đi đến chỗ K ngồi. Lúc này, K đứng dậy thì bị T dùng tay tát vào mặt K 01 cái, K với tay đánh lại T nhưng không trúng. A đứng phía sau T với tay đánh K nhưng không trúng. Thấy vậy, M kêu C đưa cây ba khúc rồi cầm chạy lại đập xuống bàn nơi K ngồi làm K hoảng sợ bỏ chạy về hướng chợ Rạch Bắp. A đuổi theo K khoảng 10m thì K nhặt được 01 cây sắt hình tròn dài khoảng 1,2m đánh lại. A đưa tay trái lên đỡ, rồi dùng tay phải đang cầm sẵn dao đâm 02 nhát trúng vào vùng ngực trái và tay trái người K thì K tiếp tục bỏ chạy vào phía trong chợ. Lúc này, A không đuổi theo nữa mà quay lại cùng T, T, M, C đi về. Sau đó, K được bạn đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương.

Đối với T, khi đến khu vực vòng xoay B thấy nhóm A đánh nhau thì điều khiển xe bỏ về trước.

Sau khi vụ việc xảy ra, Công an xã Đ đã lập hồ sơ ban đầu và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã C thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại Honor 8x; 01 điện thoại Honor Play; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển số 38L1-185.29, 01 con dao bấm bằng kim loại, màu đen dài 25cm, lưỡi dài 12cm, cán dài 13cm của Trần A;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen, biển số 38L1-133.30 của Trần T;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Excite, màu đỏ đen, biển số 94F1-180.40 của Lâm M;

- 01 cây sắt hình tròn, màu trắng, dài khoảng 1,2m.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 152 ngày 15/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Dương, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bị hại Bùi K là 15% (mười lăm phần trăm) theo bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 28/8/2019. Cơ chế hình thành vết thương:

- Vết thương khoảng liên sườn V đường nách trước ngực trái, thấu ngực, tràn máu màng phổi trái: Sẹo nằm ngang hơi chệch lên từ trước ra sau, hướng từ trái sang phải, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc nhọn gây ra;

- Vết thương 1/3 giữa mặt ngoài cánh tay trái, chiều từ trên xuống, hướng từ trái sang phải, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Quá trình điều tra, Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M và Lương C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Ngày 11/3/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C quyết định xử lý vật chứng, giao trả xe mô tô biển số 38L1-185.29 cho chủ sở hữu là ông Trần T (cha của Trần A); giao trả xe mô tô biển số 38L1-133.30 cho chủ sở hữu là bà Lê T (mẹ của Trần T); giao trả xe mô tô biển số 94F1-180.40 cho chủ sở hữu là ông Lâm T (cha của Lâm M).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/11/2020, Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M và Lương C đã thỏa thuận bồi thường cho Bùi K chi phí điều trị và tổn thất sức khỏe, số tiền bồi thường là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). K có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho A, T, T, M và C.

Bản Cáo trạng số 67/CT-VKSBC ngày 20/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M, Lương C về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi cố ý gây thương tích như nội dung Cáo trạng nêu trên và không có ý kiến gì khác.

Tại phần trA luận:

1. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C trình bày luận tội:

- Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C tại Bản Cáo trạng số 67/CT-VKSBC ngày 20/3/2023 đối với các bị cáo Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M, Lương C về tội: “Cố ý gây thương tích”;

- Về hình phạt:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

. Xử phạt bị cáo Lê P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

. Xử phạt bị cáo Lâm M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

. Xử phạt bị cáo Lương C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

- Về vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Honor 8x và 01 điện thoại Honor Play.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao bấm bằng kim loại màu đen dài 25cm, lưỡi dài 12cm, cán dài 13cm; 01 cây gậy ba khúc màu đen, dài 61cm; 01 thA kim loại hình tròn, màu trắng dài 1,2m (đã bị cong) là T tiện phạm tội.

2. Các bị cáo không bào chữa, không phát biểu ý kiến trA luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M, Lương C: Các bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M, Lương C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Các bị cáo A, T, M, T và C rủ nhau đến khu vực vòng xoay khu dân cư B thuộc ấp A, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương để đánh nhau với Bùi K. Khoảng 21 giờ ngày 10/3/2020, cả nhóm gặp K tại điểm hẹn thì T đã có hành vi dùng tay tát vào mặt K, M đã có hành vi dùng cây ba khúc đập xuống bàn làm K hoảng sợ bỏ chạy, A và T đuổi theo, A dùng dao bấm đâm 02 nhát trúng vào vùng ngực trái và tay trái của K gây thương tích cho K với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 15% (mười lăm phần trăm).

Hung khí bị cáo A sử dụng gây thương tích cho bị hại K là 01 con dao bấm bằng kim loại màu đen dài 25cm, lưỡi dài 12cm, cán dài 13cm. Theo Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Hành vi dùng dao, mũi sắc nhọn gây thương tích cho bị hại được xem là hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm.

Các bị cáo gây tổn hại đến sức khỏe cho bị hại K với tỷ lệ thương tật là 15% bằng hung khí nguy hiểm (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự) nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản Cáo trạng số 67/CT-VKSBC ngày 20/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M, Lương C về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, không những xâm hại trực tiếp đến sức khỏe của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa T. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm nhưng vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả gây tổn hại đến sức khỏe của người khác. Do đó đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3.1] Các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật định là: Tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, C đầu thú; bị cáo M là người dân tộc thiểu số nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Khi quyết định hình phạt, cần xét đến nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó bị cáo A giữ vai trò chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội và là người chuẩn bị công cụ phạm tội, trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm là 01 con dao bấm đâm 02 nhất gây thương tích cho bị hại K nên phải chịu mức hình phạt C hơn các bị cáo còn lại trong vụ án.

Bị cáo T từng bị Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, đã được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo T bỏ trốn, đã bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thị xã C truy nã. Do đó bị cáo T phải chịu mức hình phạt C hơn các bị cáo T, M và C.

Bị cáo M có hành vi dùng gậy ba khúc đập lên bàn, đe dọa tinh thần của bị hại. Bị cáo C mang theo hung khí là gậy ba khúc đưa cho M. Bị cáo T đuổi theo bị hại, giúp sức về mặt tinh thần cho bị cáo A. Các bị cáo M, C, T phạm tội với vai trò giúp sức nên mức hình phạt nhẹ hơn so với các bị cáo A, T.

[5] Bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội khi 17 tuổi 16 ngày, bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội khi 17 tuổi 06 tháng 26 ngày. Các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm thần, khả năng nhận thức pháp luật và điều khiển hành vi còn hạn chế nên cần xem xét khi quyết định hình phạt, cần áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo này.

[6] Xét các bị cáo T, M, C có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo C bỏ trốn trong giai đoạn điều tra, đã bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thị xã C truy nã, đến ngày 21/10/2022 bị cáo ra đầu thú. Do đó, bị cáo C không thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Xét thấy các bị cáo T, M, C có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho các bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giao các bị cáo cho chính quyền địa T nơi cư trú giám sát, giáo dục.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị về mức hình phạt đối với các bị cáo Trần A, Trần T, có phần nghiêm khắc, không tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo A, T và chưa đúng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với bị cáo A, T thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

Đề nghị về mức hình phạt đối với các bị cáo Lâm M, Lương C là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo M, C đủ điều kiện cho hưởng án treo (đã phân tích tại Mục [6]) nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo M và C, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/11/2020, các bị cáo Trần A, Trần T, Lê P, Lâm M và Lương C đã bồi thường cho bị hại Bùi K số tiền 50.000.000 đồng. Bị hại K không có yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 38L1-185.29 do ông Trần T (cha của Trần A) đứng tên chủ sở hữu; xe mô tô biển số 38L1-133.30 do bà Lê T (mẹ của Trần T) đứng tên chủ sở hữu; xe mô tô biển số 94F1-180.40 do ông Lâm T (cha của Lâm M) đứng tên chủ sở hữu. Việc các bị cáo A, T, M sử dụng xe 38L1-185.29, xe 38L1-133.30 và xe 94F1-180.40 đi thực hiện hành vi phạm tội ông Thẻ, bà Tính, ông Thà không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã C giao trả các xe mô tô trên cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 Honor điện thoại 8x và 01 điện thoại Honor Play của Trần A là T tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 con dao bấm bằng kim loại màu đen, dài 25cm, lưỡi dài 12cm, cán dài 13cm; 01 cây ba khúc màu đen, dài 61cm; 01 thA kim loại hình tròn màu trắng dài 1,2m (đã bị cong) là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ.

[10] Đối với Nguyễn Hoàng Thừa: Thừa có hành vi chở Lương C đến địa điểm các bị cáo hẹn gặp nhau nhưng Thừa không biết các bị cáo hẹn gặp nhau để đi đánh K nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Thừa là có căn cứ.

[11] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 136, Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về tội dA:

Tuyên bố các bị cáo Trần A, Lê P, Lâm M, Trần T và Lương C phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trần A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 21/10/2022.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022) và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lâm M 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lâm M cho Ủy ban nhân dân xã An Điền, thị xã C, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 61/2023/HSST-LCCT ngày 21/3/2023 đối với bị cáo Lâm M kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022) và điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần T cho Ủy ban nhân dân xã An Điền, thị xã C, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 60/2023/HSST-LCCT ngày 21/3/2023 đối với bị cáo Trần T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022) và khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lương C 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương C cho Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Lương C tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trong trường hợp các bị cáo Lâm M, Trần T và Lương C là người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Honor 8x và 01 điện thoại Honor Play.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao bấm bằng kim loại màu đen dài 25cm, lưỡi dài 12cm, cán dài 13cm;

+ 01 cây gậy ba khúc màu đen, dài 61cm;

+ 01 thA kim loại hình tròn, màu trắng dài 1,2m (đã bị cong)

(Vật chứng đã được giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/5/2023).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Trần A, Lê P, Lâm M, Trần T và Lương C: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê T có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần T, Lâm T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân